

Số: 2193/TB-HĐTDVC

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả tuyển dụng, danh sách thí sinh trúng tuyển và việc hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GD&ĐT năm 2022

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quy chế tổ chức thi tuyển viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-SGD&ĐT ngày 06/6/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-SGD&ĐT ngày 26/7/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022;

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 thông báo:

1. Kết quả tuyển dụng và danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GD&ĐT năm 2022 được đăng tải trên Website Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <https://langson.edu.vn/> mục Tin tức – Sự kiện / Thông báo.

(Có Quyết định số 815/QĐ-SGD&ĐT ngày 26/7/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT gửi kèm theo).

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 28/7/2022, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

+ Bản sao (bản photo có công chứng) văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; chứng nhận ưu tiên (nếu có);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo (số 06, đường Hoàng Văn Thụ, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn).

Người trúng tuyển xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo phiếu đăng ký dự tuyển để đối chiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Đối với các thí sinh trúng tuyển có thời gian hợp đồng lao động theo đúng vị trí việc làm dự tuyển có đóng bảo hiểm xã hội trước khi tuyển dụng, ngoài hồ sơ quy định tại mục 2, cần nộp thêm bản photo có công chứng các văn bản sau:

- Các quyết định hợp đồng lao động.

- Sổ bảo hiểm xã hội.

- Bản kê khai thời gian hợp đồng lao động tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí việc làm trúng tuyển (Nội dung kê khai gồm: Họ và tên; ngày/tháng/năm sinh; môn dự thi; thời gian hợp đồng (từ tháng .../năm... đến tháng.../năm....); công việc đã hợp đồng; đơn vị đã hợp đồng).

Lưu ý: Người trúng tuyển đến Sở GDĐT hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 thông báo để các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Thí sinh dự thi vòng 2;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- HĐ TDVC;
- Ban Giám sát;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, HSTDVC.



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Phan Mỹ Hạnh

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng và
danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành năm 2022;

Căn cứ Tờ trình số 2174/TTr-HĐTDVC ngày 26/7/2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách 96 thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022 có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển dụng và gửi văn bản thông báo công nhận kết quả trúng tuyển tới thí sinh dự tuyển theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- Hội đồng TDVC;
- Lưu: VT, HS HĐTDVC.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Quốc Tuấn

SỞ GD&ĐT LẠNG SƠN
HỘI ĐỒNG TĐVC NĂM 2022

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 815/QĐ-SGD&ĐT ngày 26/7/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	09.01	Lý Khánh Huyền	02/09/1995	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	74,3	79,3	Trúng tuyển
2	09.05	Hoàng Kim Anh	07/11/1996	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	THPT Bình Gia	DTTS	5	90,5	95,5	Trúng tuyển
3	09.04	Mã Thị Hương Ly	28/08/2000	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	THPT Đồng Bành	DTTS	5	81,5	86,5	Trúng tuyển
4	09.06	Nguyễn Thảo Quỳnh	02/10/2000	Nữ	Kinh	Yên Khánh - Ninh Bình	Đại học	Tiếng Anh	THPT Lộc Bình			65,5	65,5	Trúng tuyển
5	09.03	Lương Ngọc Lãng	26/08/1997	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	THPT Vũ Lễ	DTTS	5	71,8	76,8	Trúng tuyển
6	09.02	Nông Thu Huyền	07/08/1995	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng Anh	THPTTràng Định	DTTS	5	59,5	64,5	Trúng tuyển
7	12.01	Dương Thị Yến	01/06/1988	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Công nghệ	THPT Vũ Lễ	DTTS	5	63,5	68,5	Trúng tuyển
8	07.12	Hoàng Thị Quỳnh	15/12/1997	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	72,5	77,5	
9	07.18	Dương Mạnh Thắng	23/02/1987	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	74,5	79,5	
10	07.22	Dương Thị Việt	21/02/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	ĐHSP, Thạc sĩ	Địa lí	PTDTNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	78,0	83,0	
11	07.14	La Văn Sơn	03/08/1994	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	84,5	89,5	Trúng tuyển
12	07.10	Nông Thị Phương	29/03/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	64,5	69,5	
13	07.04	Hoàng Thị Huệ	10/12/1997	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	79,8	84,8	
14	07.13	Dương Thị Sông	22/09/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	84,0	89,0	
15	07.15	Dương Thị Tình	30/12/1988	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	84,8	89,8	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Chị chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
16	07.09	Nông Bích	Ngân	08/02/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	67,5	72,5	
17	07.20	Nguyễn Thị	Thùy	07/06/1991	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	71,0	76,0	
18	07.17	Triệu Thanh	Thảo	04/06/1996	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	83,0	88,0	Trúng tuyển
19	07.01	Hoàng Anh	Dũng	19/08/1992	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	-	-	Bỏ thi
20	07.06	Nông Thị Mai	Lan	26/02/1994	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	69,8	74,8	
21	07.21	Triệu Ngọc	Trâm	29/10/1993	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	78,5	83,5	Trúng tuyển
22	07.07	Bùi Thị	Nga	15/03/1996	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	THPT Đình Lập	DTTS	5	84,5	89,5	Trúng tuyển
23	07.03	Nông Minh	Đức	11/12/1986	Nam	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	THPT Hòa Bình	DTTS	5	75,9	80,9	Trúng tuyển
24	07.05	Nguyễn Thị Diệu	Hương	05/10/1990	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	THPT Tân Thành			78,0	78,0	
25	07.11	Hứa Thị Kim	Quy	15/05/1991	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Địa lí	THPT Tân Thành	DTTS	5	82,0	87,0	Trúng tuyển
26	08.11	Hoàng Thị	Thúy	14/02/1996	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	57,8	62,8	
27	08.01	Vi Thị Linh	Chi	13/01/1994	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	66,0	71,0	Trúng tuyển
28	08.14	Đinh Tổ	Uyên	12/02/1998	Nữ	Tày	Na Rì - Bắc Kạn	Đại học	GDCD	PTDTNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	51,3	56,3	
29	08.03	Hoàng Thu	Hiền	23/05/1997	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	PTDTNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	55,8	60,8	
30	08.10	Hoàng Thị	Thỏa	08/02/2000	Nữ	Nùng	Hòa An - Cao Bằng	Đại học	GDCD	PTDTNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	56,8	61,8	Trúng tuyển
31	08.12	Lục Thị	Trang	17/03/1991	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Cao Lộc	DTTS	5	51,5	56,5	
32	08.09	Lý Thị Thu	Thảo	12/01/1991	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Cao Lộc	DTTS	5	65,0	70,0	Trúng tuyển
33	08.06	Triệu Thị Ngọc	Linh	14/11/1999	Nữ	Nùng	Thạch An - Cao Bằng	Đại học	GDCD	THPT Văn Lãng	DTTS	5	63,8	68,8	
34	08.07	Triệu Thị	Nghiệp	21/05/1998	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Văn Lãng	DTTS	5	64,3	69,3	Trúng tuyển
35	08.05	Triệu Thúy	Lan	01/03/1993	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Văn Quan	DTTS	5	41,7	46,7	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	Ghi chú
36	08.04	Dương Thị	Kim	18/08/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Văn Quan	DTTS	5	42,8	47,8	
37	08.08	Lê Thị	Tấm	21/07/1994	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Văn Quan	DTTS	5	66,5	71,5	
38	08.13	Hoàng Minh	Trọng	12/03/1994	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDCD	THPT Văn Quan	DTTS	5	68,3	73,3	Trúng tuyển
39	13.05	Vi Sơn	Tùng	10/12/1992	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	GDTC	THPT Na Dương	DTTS	5	76,0	81,0	Trúng tuyển
40	13.01	Triệu Văn	Hành	13/01/1993	Nam	Dao	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	GDTC	THPT Văn Lãng	DTTS	5	59,0	64,0	
41	13.02	Trịnh Lan	Hương	11/01/2000	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDTC	THPT Văn Lãng	DTTS	5	73,0	78,0	Trúng tuyển
42	03.06	Hứa Phương	Nam	10/10/1990	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	71,5	76,5	
43	03.10	Nông Thị	Phương	19/08/1989	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	72,5	77,5	
44	03.09	Vy Thị	Ơn	21/11/1994	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	81,0	86,0	
45	03.08	Nguyễn Thị	Ngọc	11/02/1995	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	81,5	86,5	Trúng tuyển
46	03.01	Phạm Tiến	Anh	25/12/1994	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Chi Lăng	DTTS	5	-	-	Bỏ thi
47	03.02	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1990	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Chi Lăng	DTTS	5	-	-	Bỏ thi
48	03.05	Đinh Thị	Luyên	13/12/1996	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Chi Lăng	DTTS	5	78,5	83,5	
49	03.03	Hoàng Thị	Hằng	18/09/1995	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Chi Lăng	DTTS	5	79,5	84,5	Trúng tuyển
50	03.11	Nguyễn Trần	Sơn	02/04/1998	Nam	Kinh	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Văn Nham			73,5	73,5	
51	03.04	Lương Thị	Huế	09/12/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Hóa học	THPT Văn Nham	DTTS	5	74,0	79,0	Trúng tuyển
52	02.13	Trương Thị	Thảo	06/12/1999	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	DTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	78,0	83,0	Trúng tuyển
53	02.04	Nông Thị Minh	Chi	22/09/1993	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	DTNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	51,0	56,0	
54	02.01	Nguyễn Mai	Anh	17/09/1992	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	DTNT THCS&THPT Chi Lăng			71,5	71,5	
55	02.09	Vi Thị Thúy	Hường	10/04/1991	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	DTNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	67,5	72,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	Ghi chú
56	02.03	Đoàn Thị Chà	06/03/1996	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	PTDINT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	52,0	57,0	Trúng tuyển
57	02.05	Hoàng Thị Dung	18/09/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	58,0	63,0	
58	02.08	Đặng Thị Thu Hương	08/08/1999	Nữ	Sán diu	TP Thái Nguyên - TN	Đại học	Vật lí	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	67,5	72,5	
59	02.14	Hoàng Thị Thủy	26/03/1996	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	71,5	76,5	Trúng tuyển
60	02.10	Vũ Thị Lan	08/04/1995	Nữ	Kinh	Hữu Lũng-Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	THPT Vân Nham			51,5	51,5	
61	02.07	Hà Thị Dự	02/07/1991	Nữ	Nùng	Hữu Lũng-Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	THPT Vân Nham	DTTS	5	72,0	77,0	
62	02.06	Bùi Văn Dũng	19/10/1990	Nam	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	Đại học	Vật lí	THPT Vân Nham			84,0	84,0	Trúng tuyển
63	02.11	Nguyễn Hoàng Long	05/12/2000	Nam	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Vật lí	THPT chuyên Chu Văn An			84,0	84,0	Trúng tuyển
64	14.07	Vi Thị Lý	11/06/1999	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS Đình Lập	DTTS	5	70,5	75,5	
65	14.08	Dương Thị Minh	15/08/1998	Nữ	Tày	Ba Bể - Bắc Kạn	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS Đình Lập	DTTS	5	76,5	81,5	Trúng tuyển
66	14.14	Dương Hồng Thắm	28/08/1999	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS&THPT Cao Lộc	DTTS	5	76,0	81,0	
67	14.09	Nông Văn Phương	11/02/1995	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS&THPT Cao Lộc	DTTS	5	80,0	85,0	Trúng tuyển
68	14.16	Nông Văn Văn	20/02/1992	Nam	Nùng	Hà Quảng - Cao Bằng	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS&THPT Trảng Định	DTTS	5	58,5	63,5	
69	14.15	Vi Văn Thiết	09/08/1997	Nam	Nùng	Quảng Hà - Cao Bằng	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS&THPT Trảng Định	DTTS	5	68,5	73,5	
70	14.04	Triệu Nhật Lai	25/08/1996	Nam	Dao	Thạch An - Cao Bằng	Đại học	GDQPAN	PTDINT THCS&THPT Trảng Định	DTTS	5	71,0	76,0	Trúng tuyển
71	14.06	Triệu Văn Luân	08/03/1998	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Chi Lăng	DTTS	5	71,3	76,3	
72	14.10	Hoàng Kim Phượng	14/11/1998	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Chi Lăng	DTTS	5	73,0	78,0	
73	14.13	Lương Thị Tuyết	08/08/1997	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Chi Lăng	DTTS	5	75,5	80,5	Trúng tuyển
74	14.01	Vi Thị Lan Anh	06/07/1991	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Đồng Đăng	DTTS	5	69,0	74,0	Trúng tuyển
75	14.17	Trịnh Thị Viện	27/06/1996	Nữ	Dao	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Lộc Bình	DTTS	5	75,3	80,3	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
76	14.05	Hoàng Thị	Loan	28/03/1997	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Na Dương	DTTS	5	63,5	68,5	
77	14.12	Lành Thế	Toàn	30/03/1995	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	GDQPAN	THPT Na Dương	DTTS	5	76,5	81,5	Trúng tuyển
78	04.12	Hoàng Thị	Mai	26/09/1997	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS Đình Lập	DTTS	5	-	-	Bỏ thi
79	04.16	Lường Thị	Thao	01/10/1996	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS Đình Lập	DTTS	5	56,8	61,8	
80	04.18	Hoàng Thị Thu	Trà	06/04/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS Đình Lập	DTTS	5	66,3	71,3	Trúng tuyển
81	04.14	Lương Đình	Nhu	23/08/1993	Nam	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS Văn Lãng	DTTS	5	60,3	65,3	
82	04.05	Hà Thị	Hào	11/03/1987	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS Văn Lãng	DTTS	5	62,5	67,5	Trúng tuyển
83	04.13	Trần Thúy	Nội	17/05/1998	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	67,5	72,5	
84	04.10	Vi Thị Thu	Hương	09/09/1997	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	DTN THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	75,3	80,3	Trúng tuyển
85	04.06	Hoàng Thị	Hậu	05/11/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	PĐTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	22,0	27,0	
86	04.09	Đàm Văn	Hung	25/07/1991	Nam	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	PĐTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	63,3	68,3	
87	04.04	Lương Trà	Giang	26/08/1998	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	PĐTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	67,5	72,5	Trúng tuyển
88	04.17	Mông Lương	Thiện	07/09/1992	Nam	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	THPT Hòa Bình	DTTS	5	53,3	58,3	
89	04.01	Lương Thị	Bích	03/06/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	THPT Hòa Bình	DTTS	5	60,0	65,0	
90	04.02	Nông Thị	Diệp	31/08/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	THPT Hòa Bình	DTTS	5	62,5	67,5	Trúng tuyển
91	04.03	Triệu Thị	Dung	26/12/1991	Nữ	Dao	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Sinh học	THPT Văn Quan	DTTS	5	64,3	69,3	Trúng tuyển
92	06.03	Lý Thị	Hà	28/06/1993	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	DTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	67,0	72,0	
93	06.20	Lý Thị	Phương	22/01/1994	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	DTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	74,5	79,5	
94	06.22	Trần Thị	Sự	24/03/1994	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	DTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	77,5	82,5	
95	06.04	Phương Thị	Hành	12/01/1997	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	DTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	83,0	88,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	Ghi chú
96	06.08	Hoàng Thị Minh	Huệ	06/03/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	52,5	57,5	
97	06.02	Lương Tiến	Dũng	11/06/1998	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	61,0	66,0	
98	06.29	Nguyễn Thu	Thùy	30/12/1995	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Bắc Sơn	DTTS	5	62,5	67,5	
99	06.24	Đồng Văn	Thái	16/04/1991	Nam	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Bắc Sơn			73,5	73,5	Trúng tuyển
100	06.14	Hoàng Thị	Na	10/03/1994	Nữ	Tày	Hòa An - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	48,3	53,3	
101	06.10	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	10/05/1998	Nữ	Tày	TP Cao Bằng - Cao Bằng	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	49,0	54,0	
102	06.21	Chu Thị Châu	Sa	02/10/1998	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	49,0	54,0	
103	06.16	Hoàng Thị	Nga	12/08/1993	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	53,0	58,0	
104	06.30	Dương Thị	Thúy	02/02/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	81,0	86,0	Trúng tuyển
105	06.05	Hoàng Thị	Hậu	21/07/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Cao Lộc	DTTS	5	63,0	68,0	
106	06.11	Lương Thị Phương	Liên	27/11/1989	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Cao Lộc	DTTS	5	80,0	85,0	
107	06.26	Hoàng Thị	Thảo	28/08/1993	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Cao Lộc	DTTS	5	82,0	87,0	Trúng tuyển
108	06.06	Triệu Thị	Hòa	07/05/1990	Nữ	Dao	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	69,5	74,5	
109	06.32	Triệu Thị Kim	Yến	01/12/1994	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	70,5	75,5	
110	06.17	Hoàng Thị	Ngọc	26/12/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	71,0	76,0	
111	06.01	Hoàng Ngọc	Ánh	08/02/1994	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	71,5	76,5	
112	06.27	Vi Thị Hồng	Thơm	24/08/1995	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	PTDNT THCS&THPT Chi Lăng	DTTS	5	72,0	77,0	Trúng tuyển
113	06.28	Triệu Văn	Thu	04/12/1993	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Ba Sơn	DTTS	5	66,5	71,5	
114	06.12	Nông Thị	Liên	28/02/1986	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Ba Sơn	DTTS	5	76,5	81,5	
115	06.31	Phương Thị Thùy	Trang	12/03/1990	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Ba Sơn	DTTS	5	86,0	91,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
116	06.13	Lương Thị Bé	Loan	03/05/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Tân Thành	DTTS	5	61,0	66,0	
117	06.07	Phạm Hoa	Hồng	11/06/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Tân Thành	DTTS	5	71,5	76,5	
118	06.18	Vy Thị Hồng	Nhung	21/11/1988	Nữ	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Lịch sử	THPT Tân Thành	DTTS	5	83,0	88,0	Trúng tuyển
119	11.02	Lý Thị	Thúy	30/09/1986	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tin học	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	72,5	77,5	Trúng tuyển
120	11.03	Lê Thị Thu	Trang	16/09/1985	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tin học	THPT Ba Sơn	DTTS	5	76,0	81,0	Trúng tuyển
121	11.01	Nông Thu	Hằng	14/10/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Tin học	THPT Tràng Định	DTTS	5	60,5	65,5	Trúng tuyển
122	01.05	Nguyễn Thị Minh	Châu	14/12/1990	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Đình Lập			58,0	58,0	
123	01.31	Lành Thị	Thùy	16/05/1993	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Toán học	PTDTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	70,5	75,5	
124	01.20	Lý Thị	Loan	15/05/1996	Nữ	Sán chỉ	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	80,5	85,5	Trúng tuyển
125	01.01	Dương Thị Thu	An	20/12/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Hữu Lũng	DTTS	5	-	-	Bỏ thi
126	01.29	Chu Văn	Thịnh	19/10/1989	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Hữu Lũng	DTTS	5	51,0	56,0	
127	01.11	Nguyễn Thị Mai	Hồng	08/11/1994	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Hữu Lũng			73,0	73,0	Trúng tuyển
128	01.18	Dương Thị	Lê	06/08/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	53,0	58,0	
129	01.28	Chu Bích	Thiều	02/01/1998	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	68,0	73,0	
130	01.36	Hoàng Thị	Xuân	27/04/1997	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	73,0	78,0	
131	01.15	Triệu Thị Thu	Hương	20/01/1987	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	73,5	78,5	Trúng tuyển
132	01.04	Hứa Thị Thùy	Bông	05/03/1991	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	50,0	55,0	
133	01.23	Hoàng Thị	Phương	04/04/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	53,5	58,5	
134	01.02	La Thị Minh	Anh	23/12/1990	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	61,0	66,0	
135	01.21	Hứa Thị	Nhân	03/05/1997	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	DTTS	5	70,0	75,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
136	01.32	Hoàng Trung	Thực	01/12/2000	Nam	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	74,5	79,5	
137	01.22	Hoàng Thị Quỳnh	Như	09/10/1990	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Thạc sĩ, Đại học	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	75,0	80,0	Trúng tuyển
138	01.13	Bế Thị	Huyền	28/11/2000	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THCS&THPT Bình Độ	DTTS	5	58,5	63,5	
139	01.30	Nông Thị	Thời	22/11/1998	Nữ	Nùng	Văn Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THCS&THPT Bình Độ	DTTS	5	72,0	77,0	Trúng tuyển
140	01.35	Vy Thị Đài	Trang	16/02/1989	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	56,5	61,5	
141	01.24	Hoàng Thị	Phương	27/02/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	57,0	62,0	
142	01.09	Dương Thị	Hiền	03/02/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	60,0	65,0	Trúng tuyển
143	01.26	Trần Minh	Tuấn	01/08/1985	Nam	Kinh	Đáp Cầu - Bắc Ninh	Thạc sĩ, Đại học SP	Toán học	THPT Bình Gia			74,5	74,5	
144	01.08	Hoàng Công	Hà	23/10/1989	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Bình Gia	DTTS	5	73,0	78,0	Trúng tuyển
145	01.19	Nguyễn Diệu	Linh	02/05/1994	Nữ	Kinh	Sơn Động - Bắc Giang	Đại học	Toán học	THPT Đình Lập			59,0	59,0	
146	01.25	Nguyễn Chí	Toàn	16/02/1993	Nam	Kinh	Sơn Tây - Hà Nội	Thạc sĩ	Toán học	THPT Đình Lập			63,0	63,0	
147	01.17	Nông Xuân	Khánh	30/10/1992	Nam	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Đình Lập	DTTS	5	75,0	80,0	Trúng tuyển
148	01.07	Nguyễn Thị Thùy	Dương	17/06/1992	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	Thạc sĩ, Đại học SP	Toán học	THPT Tân Thành			54,5	54,5	
149	01.06	Hứa Thị	Dung	18/03/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Tân Thành	DTTS	5	57,0	62,0	
150	01.16	Vi Thị Minh	Hương	08/03/1993	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Tân Thành	DTTS	5	58,0	63,0	
151	01.14	Phan Thị	Huyền	02/04/1990	Nữ	Kinh	Việt Yên - Bắc Giang	Thạc sĩ, Đại học SP	Toán học	THPT Tân Thành			74,0	74,0	Trúng tuyển
152	01.34	Nguyễn Thị	Trang	01/09/1992	Nữ	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Toán học	THPT Vũ Lễ			69,0	69,0	Trúng tuyển
153	10.02	Đinh Ngọc	Huyền	18/12/1999	Nữ	Kinh	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng TQ	THPT chuyên Chu Văn An			74,9	74,9	Trúng tuyển
154	10.05	Trần Thị	Thảo	11/07/1998	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên - TN	Đại học	Tiếng TQ	THPT Hoàng Văn Thụ			48,3	48,3	
155	10.04	Chu Thị	Phương	25/11/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng TQ	THPT Việt Bắc	DTTS	5	46,8	51,8	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02				Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi		
156	10.03	Đinh Khánh	Linh	11/10/1995	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Tiếng TQ	THPT Việt Bắc			64,0	64,0		Trúng tuyển
157	05.63	Nông Thị	Thu	11/12/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	55,5	60,5		
158	05.15	Bùi Thị Thanh	Hiền	14/08/1989	Nữ	Kinh	Đình Lập - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập			61,2	61,2		
159	05.34	Hoàng Thị	Mai	27/09/1994	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	58,5	63,5		Trúng tuyển
160	05.40	Hoàng Thị	Ngân	03/07/1995	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập	DTTS	5	70,5	75,5		Trúng tuyển
161	05.21	Nông Thị Khánh	Hòa	15/10/1988	Nữ	Tày	Hòa An - Cao Bằng	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	72,0	77,0		
162	05.41	Lăng Thị	Ngân	21/01/1991	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	73,0	78,0		
163	05.31	Lý Giang	Lưu	01/09/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS Văn Lãng	DTTS	5	83,5	88,5		Trúng tuyển
164	05.14	Lương Thanh	Hằng	03/01/1989	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình			60,3	60,3		
165	05.49	Hoàng Thu	Phương	28/07/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	55,3	60,3		
166	05.44	Trần Minh	Nguyệt	26/02/2000	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	55,5	60,5		
167	05.68	Ngô Thu	Trang	07/06/1990	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình			73,0	73,0		Trúng tuyển
168	05.20	Nguyễn Ngọc	Hoa	17/07/1991	Nữ	Kinh	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định			67,0	67,0		
169	05.25	Lý Diệu	Hương	05/06/1999	Nữ	Dao	Bạch Thông-Bắc Kạn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	62,5	67,5		
170	05.65	Từ Thị	Thùy	17/12/1996	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	62,5	67,5		Trúng tuyển
171	05.30	Đinh Thị	Loan	13/09/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	DTTS	5	64,5	69,5		Trúng tuyển
172	05.53	Triệu Thị	Son	24/02/1995	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	60,5	65,5		
173	05.60	Hoàng Kim	Thiều	11/04/1993	Nữ	Tày	Văn Quan- Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	62,3	67,3		
174	05.35	Lưu Thị	Mai	29/04/1991	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	DTTS	5	64,5	69,5		Trúng tuyển
175	05.04	Hoàng Thị Ngọc	Bích	21/03/1998	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	-	-		Bỏ thi

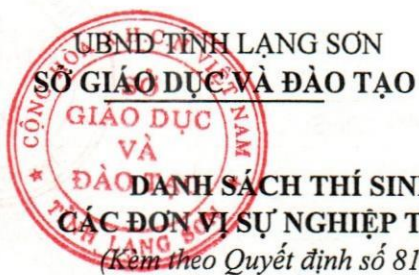
STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm thi	
176	05.55	Nguyễn Thị Tâm	05/02/1994	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Thạc sĩ, Đại học SP	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn			-		
177	05.09	Dương Thị Duy	01/10/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	72,5		
178	05.66	Dương Thị Trà	04/02/2000	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	75,0	80,0	
179	05.38	Dương Thị Minh	29/09/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	83,0	88,0	Trúng tuyển
180	05.59	Nguyễn Phương Thảo	16/02/1993	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Chi Lăng			61,0	61,0	
181	05.61	Vi Thị Thinh	11/12/1985	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Chi Lăng	DTTS	5	60,5	65,5	
182	05.33	Vi Thị Lưu	20/09/1995	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Chi Lăng	DTTS	5	61,5	66,5	
183	05.01	Nguyễn Văn Anh	10/10/2000	Nữ	Sán diu	Lục Nam - Bắc Giang	Đại học	Ngữ văn	THPT Chi Lăng	DTTS	5	65,6	70,6	
184	05.19	Hoàng Thị Thanh Hoa	18/04/1995	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Chi Lăng	DTTS	5	69,0	74,0	Trúng tuyển
185	05.56	Công Thị Tầm	12/05/1996	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Đình Lập	DTTS	5	64,0	69,0	
186	05.62	Lành Thúy Thơ	21/12/1997	Nữ	Tày	Sơn Tây - Hà Nội	Đại học	Ngữ văn	THPT Đình Lập	DTTS	5	69,5	74,5	
187	05.26	Đình Hồng Lan	28/06/1994	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Đình Lập	DTTS	5	70,5	75,5	Trúng tuyển
188	05.70	Chu Thị Thanh Xuân	30/07/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Ngữ văn	THPT Lộc Bình	DTTS	5	55,5	60,5	
189	05.22	Hoàng Thị Thu Hoài	31/05/1994	Nữ	Nùng	Yên Trạch - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lộc Bình	DTTS	5	69,5	74,5	
190	05.29	Lục Thị Linh	02/10/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lộc Bình	DTTS	5	71,3	76,3	Trúng tuyển
191	05.10	Lâm Văn Đới	03/02/1990	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	8,0	13,0	
192	05.48	Dương Thị Phương	22/12/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	63,5	68,5	
193	05.47	Đình Thị Hồng Nhung	02/03/1999	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	68,0	73,0	
194	05.43	Lục Thị Nguyệt	10/12/1991	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	70,8	75,8	Trúng tuyển
195	05.57	Dương Hoài Thanh	13/03/1993	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	DTTS	5	74,0	79,0	Trúng tuyển
196	05.54	Liễu Thị Tâm	23/07/1990	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn	DTTS	5	55,5	60,5	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
								Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
197	05.23	Lương Minh	Hồng	22/12/1994	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Thạc sĩ	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn	DTTS	5	69,9	74,9	
198	05.50	La Thị	Phương	25/03/1995	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn	DTTS	5	73,5	78,5	Trúng tuyển
199	05.51	Trần Thị Mai	Phương	12/11/1993	Nữ	Kinh	Lộc Bình - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn			81,8	81,8	Trúng tuyển
200	05.67	Hoàng Thị Huyền	Trang	01/05/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tràng Định	DTTS	5	58,0	63,0	
201	05.42	Chu Bích	Ngọc	28/08/2000	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tràng Định	DTTS	5	59,5	64,5	
202	05.37	Lương Thị Lê	Mây	15/02/1989	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tràng Định	DTTS	5	61,5	66,5	
203	05.27	Đàm Thị Khánh	Linh	16/08/1997	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tràng Định	DTTS	5	65,0	70,0	
204	05.05	Đàm Thị	Cúc	05/05/1995	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Tràng Định	DTTS	5	71,5	76,5	Trúng tuyển
205	05.46	Đỗ Thị	Nhoi	17/12/1991	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Văn Quan	DTTS	5	66,0	71,0	
206	05.07	Hà Thu	Diễm	04/07/1990	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	THPT Văn Quan	DTTS	5	77,7	82,7	Trúng tuyển
207	05.11	Lưu Thị	Giang	01/11/1994	Nữ	Sán diu	Lục Nam - Bắc Giang	Thạc sĩ, Đại học	Ngữ văn	THPT Vân Nham	DTTS	5	74,0	79,0	Trúng tuyển
208	05.13	Hoàng Thu	Hằng	10/07/1995	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	DTTS	5	62,0	67,0	
209	05.32	Hoàng Khánh	Ly	18/08/1993	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	DTTS	5	67,0	72,0	
210	05.12	Phùng Thị Thu	Hà	01/01/1997	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	DTTS	5	68,0	73,0	
211	05.64	Lưu Thị Bích	Thùy	09/03/1987	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	DTTS	5	71,5	76,5	Trúng tuyển
212	05.08	Nông Thị	Dung	01/06/1991	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Đại học	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	DTTS	5	72,5	77,5	Trúng tuyển
213	15.05	Nông Thị	Nga	19/07/1987	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Cao đẳng	Văn thư	DTNT THCS&THPT Lộc Bình	DTTS	5	55,0	60,0	Trúng tuyển
214	15.01	Triệu Văn	Bình	06/12/1995	Nam	Dao	Tràng Định - Lạng Sơn	Trung cấp	Văn thư	THPT Ba Sơn	DTTS	5	62,5	67,5	Trúng tuyển
215	15.04	Lý Thị	Hơn	18/05/1995	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Trung cấp	Văn thư	THPT chuyên Chu Văn An	DTTS	5	50,0	55,0	Trúng tuyển
216	15.03	Hoàng Thị	Hoài	20/01/1985	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Đại học	Văn thư	THPT Đình Lập	DTTS	5	75,0	80,0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 02			Ghi chú
							Trình độ đào tạo	Môn dự thi			Điểm ưu tiên	Điểm nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi	
217	15.09	Nguyễn Thị Hải Yên	18/09/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Trung cấp	Văn thư	THPT Hoàng Văn Thụ	DTTS	5	65,0	70,0	Trúng tuyển
218	15.07	Trần Bích Vân	03/09/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Trung cấp	Văn thư	THPT Hội Hoan	DTTS	5	80,0	85,0	Trúng tuyển
219	15.08	Lý Thị Vui	15/10/1992	Nữ	Sán chi	Lộc Bình - Lạng Sơn	Cao đẳng	Văn thư	THPT Lộc Bình	DTTS	5	55,0	60,0	Trúng tuyển
220	16.03	Ninh Thị Uyên	11.07.1994	Nữ	Cao Lan	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Trung cấp	Y sỹ	DTNT THCS Hữu Lũng	DTTS	5	80,0	85,0	Trúng tuyển
221	16.02	Hoàng Thị Trang	16/10/1996	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Trung cấp	Y sỹ	THPT Bắc Sơn	DTTS	5	72,5	77,5	Trúng tuyển
222	16.04	Nguyễn Đình Vĩnh	14/04/1990	Nam	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Trung cấp	Y sỹ	THPT Văn Quan	DTTS	5	72,5	77,5	Trúng tuyển

Danh sách này gồm có: 222 thí sinh./.





**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số 815/QĐ-SGDĐT ngày 26/7/2022 của Giám đốc Sở GDĐT)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
1	01.08	Hoàng Công Hà	23/10/1989	Toán học	THPT Bình Gia	
2	01.09	Dương Thị Hiền	03/02/1996	Toán học	THPT Bắc Sơn	
3	01.11	Nguyễn Thị Mai Hồng	08/11/1994	Toán học	PTDTNT THCS Hữu Lũng	
4	01.14	Phan Thị Huyền	02/04/1990	Toán học	THPT Tân Thành	
5	01.15	Triệu Thị Thu Hương	20/01/1987	Toán học	PTDTNT THCS Văn Lãng	
6	01.17	Nông Xuân Khánh	30/10/1992	Toán học	THPT Đình Lập	
7	01.20	Lý Thị Loan	15/05/1996	Toán học	PTDTNT THCS Đình Lập	
8	01.21	Hứa Thị Nhân	03/05/1997	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Bình Gia	
9	01.22	Hoàng Thị Quỳnh Như	09/10/1990	Toán học	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	
10	01.30	Nông Thị Thời	22/11/1998	Toán học	THCS&THPT Bình Độ	
11	01.34	Nguyễn Thị Trang	01/09/1992	Toán học	THPT Vũ Lễ	
12	02.03	Đoàn Thị Chà	06/03/1996	Vật lí	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	
13	02.06	Bùi Văn Dũng	19/10/1990	Vật lí	THPT Vân Nam	
14	02.09	Vi Thị Thúy Hương	10/04/1991	Vật lí	DTNT THCS&THPT Chi Lăng	
15	02.11	Nguyễn Hoàng Long	05/12/2000	Vật lí	THPT chuyên Chu Văn An	
16	02.13	Trương Thị Thảo	06/12/1999	Vật lí	DTNT THCS Văn Lãng	
17	02.14	Hoàng Thị Thùy	26/03/1996	Vật lí	THPT Lương Văn Tri	
18	03.03	Hoàng Thị Hằng	18/09/1995	Hóa học	THPT Chi Lăng	
19	03.04	Lương Thị Huế	09/12/1996	Hóa học	THPT Vân Nam	
20	03.08	Nguyễn Thị Ngọc	11/02/1995	Hóa học	PTDTNT THCS Văn Lãng	
21	04.02	Nông Thị Diệp	31/08/1993	Sinh học	THPT Hòa Bình	
22	04.03	Triệu Thị Dung	26/12/1991	Sinh học	THPT Văn Quan	
23	04.04	Lương Trà Giang	26/08/1998	Sinh học	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	
24	04.05	Hà Thị Hào	11/03/1987	Sinh học	DTTN THCS Văn Lãng	
25	04.10	Vi Thị Thu Hương	09/09/1997	Sinh học	DTTN THCS&THPT Bình Gia	
26	04.18	Hoàng Thị Thu Trà	06/04/1993	Sinh học	DTTN THCS Đình Lập	
27	05.05	Đàm Thị Cúc	05/05/1995	Ngữ văn	THPT Tràng Định	
28	05.07	Hà Thu Diễm	04/07/1990	Ngữ văn	THPT Văn Quan	
29	05.08	Nông Thị Dung	01/06/1991	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	
30	05.11	Lưu Thị Giang	01/11/1994	Ngữ văn	THPT Vân Nam	
31	05.19	Hoàng Thị Thanh Hoa	18/04/1995	Ngữ văn	THPT Chi Lăng	
32	05.26	Đinh Hồng Lan	28/06/1994	Ngữ văn	THPT Đình Lập	
33	05.29	Lục Thị Linh	02/10/1994	Ngữ văn	THPT Lộc Bình	
34	05.30	Đinh Thị Loan	13/09/1993	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	
35	05.31	Lý Giang Lưu	01/09/1993	Ngữ văn	PTDTNT THCS Văn Lãng	
36	05.34	Hoàng Thị Mai	27/09/1994	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập	
37	05.35	Lưu Thị Mai	29/04/1991	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
38	05.38	Dương Thị	Minh	29/09/1992	Ngữ văn	THPT Bắc Sơn	
39	05.40	Hoàng Thị	Ngân	03/07/1995	Ngữ văn	PTDTNT THCS Đình Lập	
40	05.43	Lục Thị	Nguyệt	10/12/1991	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	
41	05.50	La Thị	Phương	25/03/1995	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn	
42	05.51	Trần Thị Mai	Phương	12/11/1993	Ngữ văn	THPT Tú Đoạn	
43	05.57	Dương Hoài	Thanh	13/03/1993	Ngữ văn	THPT Lương Văn Tri	
44	05.64	Lưu Thị Bích	Thùy	09/03/1987	Ngữ văn	Trung tâm GDTX2	
45	05.65	Từ Thị	Thùy	17/12/1996	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Trảng Định	
46	05.68	Ngô Thu	Trang	07/06/1990	Ngữ văn	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	
47	06.04	Phương Thị	Hành	12/01/1997	Lịch sử	DTNT THCS Đình Lập	
48	06.18	Vy Thị Hồng	Nhung	21/11/1988	Lịch sử	THPT Tân Thành	
49	06.24	Đồng Văn	Thái	16/04/1991	Lịch sử	PTDTNT THCS Bắc Sơn	
50	06.26	Hoàng Thị	Thảo	28/08/1993	Lịch sử	PTDTNT THCS&THPT Cao Lộc	
51	06.27	Vi Thị Hồng	Thơm	24/08/1995	Lịch sử	PTDTNT THCS&THPT Chi Lăng	
52	06.30	Dương Thị	Thúy	02/02/1990	Lịch sử	PTDTNT THCS Văn Lãng	
53	06.31	Phương Thị Thùy	Trang	12/03/1990	Lịch sử	THPT Ba Sơn	
54	07.03	Nông Minh	Đức	11/12/1986	Địa lí	THPT Hòa Bình	
55	07.07	Bùi Thị	Nga	15/03/1996	Địa lí	THPT Đình Lập	
56	07.11	Hứa Thị Kim	Quy	15/05/1991	Địa lí	THPT Tân Thành	
57	07.14	La Văn	Sơn	03/08/1994	Địa lí	PTDTNT THCS Bắc Sơn	
58	07.15	Dương Thị	Tình	30/12/1988	Địa lí	PTDTNT THCS Văn Lãng	
59	07.17	Triệu Thanh	Thảo	04/06/1996	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	
60	07.21	Triệu Ngọc	Trâm	29/10/1993	Địa lí	PTDTNT THCS&THPT Văn Quan	
61	08.01	Vi Thị Linh	Chi	13/01/1994	GDCD	PTDTNT THCS Văn Lãng	
62	08.07	Triệu Thị	Nghiệp	21/05/1998	GDCD	THPT Văn Lãng	
63	08.09	Lý Thị Thu	Thảo	12/01/1991	GDCD	THPT Cao Lộc	
64	08.10	Hoàng Thị	Thỏa	08/02/2000	GDCD	PTDTNT THCS&THPT Chi Lăng	
65	08.13	Hoàng Minh	Trọng	12/03/1994	GDCD	THPT Văn Quan	
66	09.01	Lý Khánh	Huyền	02/09/1995	Tiếng Anh	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	
67	09.02	Nông Thu	Huyền	07/08/1995	Tiếng Anh	THPT Trảng Định	
68	09.03	Lương Ngọc	Lãng	26/08/1997	Tiếng Anh	THPT Vũ Lễ	
69	09.04	Mã Thị Hương	Ly	28/08/2000	Tiếng Anh	THPT Đồng Bành	
70	09.05	Hoàng Kim	Anh	07/11/1996	Tiếng Anh	THPT Bình Gia	
71	09.06	Nguyễn Thảo	Quỳnh	02/10/2000	Tiếng Anh	THPT Lộc Bình	
72	10.02	Đinh Ngọc	Huyền	18/12/1999	Tiếng TQ	THPT chuyên Chu Văn An	
73	10.03	Đinh Khánh	Linh	11/10/1995	Tiếng TQ	THPT Việt Bắc	
74	11.01	Nông Thu	Hằng	14/10/1993	Tin học	THPT Trảng Định	
75	11.02	Lý Thị	Thúy	30/09/1986	Tin học	PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình	
76	11.03	Lê Thị Thu	Trang	16/09/1985	Tin học	THPT Ba Sơn	
77	12.01	Dương Thị	Yến	01/06/1988	Công nghệ	THPT Vũ Lễ	
78	13.02	Trịnh Lan	Hương	11/01/2000	GDTC	THPT Văn Lãng	
79	13.05	Vi Sơn	Tùng	10/12/1992	GDTC	THPT Na Dương	
80	14.08	Dương Thị	Minh	15/08/1998	GDQPAN	PTDTNT THCS Đình Lập	



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	
81	14.09	Nông Văn	Phương	11/02/1995	GDQPAN	PTDTNT THCS&THPT Cao Lộc	
82	14.04	Triệu Nhật	Lai	25/08/1996	GDQPAN	PTDTNT THCS&THPT Tràng Định	
83	14.13	Lương Thị	Tuyết	08/08/1997	GDQPAN	THPT Chi Lăng	
84	14.01	Vi Thị Lan	Anh	06/07/1991	GDQPAN	THPT Đồng Đăng	
85	14.17	Trịnh Thị	Viện	27/06/1996	GDQPAN	THPT Lộc Bình	
86	14.12	Lành Thế	Toàn	30/03/1995	GDQPAN	THPT Na Dương	
87	15.01	Triệu Văn	Bình	06/12/1995	Văn thư	THPT Ba Sơn	
88	15.03	Hoàng Thị	Hoài	20/01/1985	Văn thư	THPT Đình Lập	
89	15.04	Lý Thị	Hơn	18/05/1995	Văn thư	THPT chuyên Chu Văn An	
90	15.05	Nông Thị	Nga	19/07/1987	Văn thư	DTNT THCS&THPT Lộc Bình	
91	15.07	Trần Bích	Vân	03/09/1993	Văn thư	THPT Hội Hoan	
92	15.08	Lý Thị	Vui	15/10/1992	Văn thư	THPT Lộc Bình	
93	15.09	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/09/1990	Văn thư	THPT Hoàng Văn Thụ	
94	16.02	Hoàng Thị	Trang	16/10/1996	Y sỹ	THPT Bắc Sơn	
95	16.03	Ninh Thị	Uyên	11/07/1994	Y sỹ	DTNT THCS Hữu Lũng	
96	16.04	Nguyễn Đình	Vĩnh	14/04/1990	Y sỹ	THPT Văn Quan	

Danh sách này gồm có: 96 thí sinh./.

